| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN HÓC MÔN**<br>**Thành phố Hồ Chí Minh** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 603/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 05/6/2019.
V/v tranh chấp "Ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Mai.

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Phạm Văn Chính.

2. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm.

*Thư ký phiên tòa*: Bà Vũ Thị Hồng Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa:* ông Nguyễn Trọng Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1443/2018/TLST – HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Lê Thị Cẩm N – Sinh năm: 1992 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 5, ấp 2, xã T, huyện C, Tp.HCM.

2. Bị đơn: ông Nguyễn Thanh H – Sinh năm: 1989 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Nhà không số, tổ 5, ấp X, xã X, huyện H, Tp.HCM.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 12/12/2018, bản tự khai ngày 27/2/2019, biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 27/2/2019 và ngày 07/5/2019, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 27/2/2019 và ngày 07/5/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Lê Thị Cẩm N trình bày:

Bà và ông H tự nguyện về sống chung với nhau năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Tp.HCM ngày 20/12/2010.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bên nhà bà tại xã T, huyện C, Tp.HCM. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do cả hai bất đồng quan điểm sống trong mọi vấn đề, ông H vô trách nhiệm, không quan tâm đến vợ con, không muốn cùng nhau xây dựng gia đình. Nhận

thấy tình cảm gia đình đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin ly hôn với ông H.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Thanh P – sinh ngày 25/6/2011. Sau ly hôn bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ P đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/4/2019, bị đơn ông Nguyễn Thanh H trình bày:

Ông và bà N tự nguyện về sống chung với nhau vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, Tp.HCM ngày 20/12/2010. Thời gian đầu vợ chồng chung sống có hạnh phúc, sau thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do cả hai bất đồng quan điểm sống, không còn muốn cùng nhau xây dựng gia đình, đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Ông H đồng ý ly hôn với bà N.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Thanh P – sinh ngày 25/6/2011. Ông H yêu cầu bà N trực tiếp nuôi con chung và xin tạm ngừng tiền cấp dưỡng nuôi con đối với ông H.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Nguyễn Thanh H. Tuy nhiên, ông Hiệp vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

Tòa án đã tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn và bị đơn có đơn xin vắng mặt tại buổi xét xử. Nguyên đơn bà N vẫn giữ nguyên ý kiến yêu cầu và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Vụ án được Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn thụ lý đúng thẩm quyền; việc cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự tuân thủ đúng pháp luật; gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn luật định.

Phiên tòa được tiến hành đúng thời gian, địa điểm; thành phần Hội đồng xét xử đúng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Trong quá trình xét xử, Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử tuân thủ đúng nguyên tắc xét xử, đảm bảo cho các bên đương sự được phát biểu ý kiến, trình bày quan điểm và tranh luận tại phiên tòa.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: đây là tranh chấp ly hôn và bị đơn cư ngụ tại huyện Hóc Môn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh theo các quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về hôn nhân: theo bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số 99 ngày 20/12/2010 do Uỷ ban nhân dân xã T, huyện C, Tp.HCM cấp cho bà N và anh H xác định quan hệ hôn nhân giữa bà N và anh H là hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về quan hệ vợ chồng: căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện trong cuộc sống hôn nhân giữa bà N và ông H không hạnh phúc, không hàn gắn được, vợ chồng không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, bà N không còn tình cảm gì với ông H, không thể tiếp tục chung sống với ông H được nữa.

Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định nhằm tạo điều kiện để bà N và ông H trở về đoàn tụ với nhau nhưng ông H không đến, như vậy việc hàn gắn là không còn biện pháp; mặt khác, cả bà N và ông H đều nguyện vọng được ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông H đã trầm trọng, đời sống chung không thể thực hiện, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N và ông H.

Về con chung: bà N và ông H có 01 con chung tên Nguyễn Thanh P – sinh ngày 25/6/2011. Sau ly hôn bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ P. Hội đồng xét xử xét thấy trẻ P hiện nay đang sống chung với bà N, việc giao cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng con chung phù hợp với nguyện vọng của trẻ, đảm bảo được sự ổn định đồng thời đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của trẻ nên yêu cầu này của bà N là có cơ sở chấp nhận. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà N phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê Thị Cẩm N và ông Nguyễn Thanh H.

2. Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Thanh P – sinh ngày 25/6/2011. Sau ly hôn giao cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng trẻ P đến tuổi trưởng thành, tạm ngừng cấp dưỡng nuôi con đối với ông H cho đến khi có đơn yêu cầu của bà N.

Vì lợi ích của con chung, sau khi ly hôn ông H có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng do bà N tự nguyện chịu, được tính cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003028 ngày 18 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn nên bà N không phải nộp thêm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết.

***Nơi nhận:***
- TAND TPHCM;
- VKSND HHM;
- THA DS HHM;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa**

**Nguyễn Văn Mai**